

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 19, khoản 5 Điều 20, khoản 2 Điều 22, khoản 8 Điều 25, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 39, khoản 5 Điều 40, khoản 3 Điều 42 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

Chương II NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Mục 1

ÁP DỤNG HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 3 LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 3. Áp dụng hành vi bạo lực gia đình giữa người đã ly hôn

1. Hành vi quy định tại các điểm a, b, c và k khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Ngăn cản gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý.
3. Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau.
4. Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm.
5. Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn.
6. Cản trở kết hôn.
7. Cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

Điều 4. Áp dụng hành vi bạo lực gia đình đối với người chung sống như vợ chồng

1. Hành vi quy định tại các điểm a, b, c, k và m khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Bỏ mặc, không quan tâm.
3. Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực.
4. Ngăn cản gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý.
5. Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau.
6. Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm.
7. Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn.
8. Cưỡng ép, cản trở kết hôn.
9. Cưỡng ép học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần.
10. Cô lập, giam cầm.
11. Cưỡng ép ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

Điều 5. Áp dụng hành vi bạo lực gia đình đối với người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng

1. Hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Ngăn cản gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý.

3. Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau.

Điều 6. Áp dụng hành vi bạo lực gia đình đối với người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi

1. Hành vi quy định tại các điểm a, b, c, k khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

3. Cưỡng ép ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

Mục 2

**TỔNG ĐÀI ĐIỆN THOẠI QUỐC GIA
VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Điều 7. Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình

1.

PA1

Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây gọi là Tổng đài) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình. Tổng đài được sử dụng số điện thoại ngắn có ba (03) chữ số.

PA2

Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây gọi là Tổng đài) sử dụng số điện thoại 111 nhánh số ba (03) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

2. Tổng đài hoạt động 24/24 giờ tất cả các ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ tết. Không thu phí viễn thông đối với người gọi đến Tổng đài.

3. Ngân sách nhà nước bảo đảm nguồn lực để lập, vận hành hoạt động của Tổng đài theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng đài hoạt động theo mô hình kiêm nhiệm, được thuê nhân công tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình; được lập quỹ từ thiện để hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; được quảng bá số điện thoại và các dịch vụ của Tổng đài theo quy định của pháp luật; được lập cổng thông tin điện tử và hòm thư điện tử để tiếp nhận, trao đổi thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 8. Nhiệm vụ của Tổng đài

1. Tiếp nhận thông báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.
2. Trao đổi, tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình.
3. Chuyển tin báo, tố giác tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình.
4. Hướng dẫn người bị bạo lực gia đình tới cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, người có liên quan để được bảo vệ, hỗ trợ.
5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền để tiếp nhận, trao đổi, xác minh thông tin, thông báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.
6. Cung cấp thông tin khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
7. Kết nối, vận động cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước hỗ trợ người bị bạo lực gia đình.
8. Lưu trữ, phân tích, tổng hợp thông tin; thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật.

Mục 3**QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, XỬ LÝ TIN BÁO, TỐ GIÁC
VỀ HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH****Điều 9. Nguyên tắc bảo mật thông tin khi tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình**

1. Người tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình chỉ được phép cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.
2. Việc cung cấp thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của người bị bạo lực gia đình để phát hành trên phương tiện thông tin đại chúng, internet hoặc hình thức khác phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình.

Điều 10. Quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình qua Tổng đài

1. Thực hiện ghi âm cuộc gọi đến và gọi đi. Việc ghi âm phải bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 9 Nghị định này và pháp luật có liên quan.
2. Ghi tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình tiếp nhận qua Tổng đài theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị định này.
3. Trao đổi, tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình.

4. Hướng dẫn người bị bạo lực gia đình tới cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền hoặc liên quan để được bảo vệ, hỗ trợ.

5. Báo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình và gửi kèm thông tin đã ghi tại khoản 2 Điều này.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền để xác minh tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

Điều 11. Quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình qua địa chỉ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

1. Tiếp nhận trực tiếp từ người đến báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình hoặc gọi điện thoại đến các địa chỉ quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Ghi tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình trực tiếp từ người đến báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình hoặc tiếp nhận qua điện thoại theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Trao đổi, tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình.

2. Tiếp nhận báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình qua đơn, thư gửi qua bưu điện, internet, fax và hình thức khác.

Ghi tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình tiếp nhận qua đơn, thư gửi qua bưu điện, internet, fax và hình thức khác theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Báo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình trong trường hợp địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Ngăn chặn hoặc theo khả năng của mình tham gia ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình, hỗ trợ, bảo vệ người bị bạo lực gia đình.

5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền để xác minh tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình

1. Thực hiện phân loại tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình.

2. Phân công Công an xã, phường, thị trấn xử lý hành vi bạo lực gia đình trong trường hợp người bị bạo lực là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc hoặc hành vi bạo lực gia đình đã hoặc có khả năng gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người bị bạo lực.

3. Xử lý hành vi bạo lực gia đình hoặc phân công Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý hành vi bạo lực gia đình theo thẩm quyền.

4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc xử lý hành vi bạo lực gia đình.

Mục 4**ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ BẢO VỆ, HỖ TRỢ NGƯỜI BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ TẠI VIỆT NAM****Điều 13. Áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ hành vi bạo lực gia đình đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam**

1. Người nước ngoài kết hôn theo pháp luật nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hành vi bạo lực gia đình phải chấp hành biện pháp buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình. Trường hợp, hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại cho vợ hoặc chồng hoặc thành viên gia đình là người nước ngoài thì áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại mục 5 Chương II Nghị định này.

2. Người nước ngoài kết hôn theo pháp luật của Việt Nam cư trú tại Việt Nam có hành vi bạo lực gia đình phải chấp hành các biện pháp ngăn chặn, xử lý, giáo dục theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam bị bạo lực gia đình được Nhà nước Việt Nam bảo vệ, hỗ trợ như công dân Việt Nam bị bạo lực gia đình.

Mục 5**CẤM TIẾP XÚC THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ****Điều 14. Nguyên tắc khi cấm tiếp xúc**

1. Bảo đảm lợi ích của người bị bạo lực gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc, người đang điều trị bệnh.

2. Thông báo đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho người bị bạo lực gia đình trước khi quyết định cấm tiếp xúc.

Điều 15. Các trường hợp đề nghị cấm tiếp xúc

1. Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình quyết định cấm tiếp xúc khi thấy hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình quyết định cấm tiếp xúc khi thấy

hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của người bị bạo lực gia đình. Việc đề nghị phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết định cấm tiếp xúc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 16. Hình thức đề nghị và văn bản đề nghị cấm tiếp xúc

1. Hình thức đề nghị cấm tiếp xúc:

- a) Trực tiếp đề nghị hoặc trực tuyến;
- b) Qua bưu điện, fax.

2. Văn bản đề nghị cấm tiếp xúc áp dụng đối với quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này. Văn bản đề nghị cấm tiếp xúc theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Quyết định cấm tiếp xúc

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Điều 15 của Nghị định quyết định cấm tiếp xúc theo **Mẫu số 05** Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp không ra quyết định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, người đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định này biết.

2. Thời gian quyết định cấm tiếp xúc không quá 03 ngày cho mỗi lần kể từ thời điểm người có hành vi bạo lực gia đình nhận quyết định và không quá 02 lần quyết định cấm tiếp xúc liên tiếp.

3. Người có hành vi bạo lực gia đình đã bị cấm tiếp xúc 02 lần liên tiếp mà vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tổn hại đến sức khỏe, tính mạng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình đề nghị cơ quan điều tra xem xét xử lý theo quy định tại Điều 134 của Bộ Luật hình sự năm 2015.

Điều 18. Tiếp xúc trong thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc

1. Người đang thực hiện quyết định cấm tiếp xúc khi cần tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình thì được tiếp xúc trong trường hợp sau đây:

- a) Gia đình có việc cưới, việc tang;
- b) Gia đình có người bị tai nạn, bị bệnh nặng;
- c) Tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh.

2. Việc tiếp xúc trong thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc không quá 04 giờ cho một lần thông báo và không quá 02 lần trong thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc.

3. Người đang thực hiện quyết định cấm tiếp xúc khi cần tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều này phải thông báo cho người

được phân công giám sát mình trước khi tiếp xúc từ 01 giờ trở lên bằng văn bản trước khi thực hiện tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình. Văn bản thông báo theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

4. Người được phân công giám sát thực hiện cấm tiếp xúc tiếp khi nhận văn bản thông báo quy định tại khoản 3 Điều này phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành quyết định cấm tiếp xúc theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định này để thực hiện bảo vệ người bị bạo lực gia đình.

Điều 19. Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc

Người không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này được xác định là vi phạm quyết định cấm tiếp xúc khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

1. Đến gần người bị bạo lực gia đình trong phạm vi 50m mà không có tường ngăn hoặc vách ngăn bảo đảm an toàn;

2. Không đến gần người bị bạo lực nhưng sử dụng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc sử dụng phương tiện, công cụ khác để thực hiện hành vi bạo lực gia đình với người không được tiếp xúc.

Điều 20. Hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hoặc trong các trường hợp sau đây:

a) Khi hết thời gian cấm tiếp xúc;

b) Khi người bị bạo lực gia đình bị chết;

c) Khi người có hành vi bạo lực gia đình bị chết hoặc không còn đủ năng lực hành vi dân sự;

d) Khi người có hành vi bạo lực gia đình bị tạm giữ theo thủ tục hành chính mà thời gian tạm giữ hành chính trùng với thời gian cấm tiếp xúc;

đ) Khi có căn cứ xác định quyết định cấm tiếp xúc không đúng;

e) Các trường hợp cần thiết khác.

2. Quyết định hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc theo Mẫu số 07 Phụ lục kèm theo Nghị định này và có hiệu lực ngay sau khi ký.

Điều 21. Chỗ ở cho người bị bạo lực gia đình khi thực hiện quyết định cấm tiếp xúc

1. Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình được lựa chọn chỗ ở khi thực hiện quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình.

2. Trường hợp chỗ ở không đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Điều 27 Luật

Phòng, chống bạo lực gia đình quyết định nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người bị bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội.

Mục 6

CƠ SỞ KHÁC THAM GIA TRỢ GIÚP PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 22. Nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình là cơ sở được thành lập không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, và e khoản 2 Điều 35 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Nội dung hoạt động:

- a) Tuyên truyền, vận động phòng, chống bạo lực gia đình;
- b) Hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình;
- c) Hỗ trợ người bị bạo lực gia đình ăn, mặc, đi lại và các chi phí sinh hoạt khác;
- d) Bố trí nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình;
- đ) Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người bị bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình chưa có việc làm có nhu cầu được hỗ trợ.

3. Phạm vi hoạt động:

- a) Hoạt động theo phạm vi hoạt động của tổ chức nhằm trợ giúp cho người lao động, hội viên, thành viên của mình;
- b) Hoạt động theo địa giới hành chính cấp tỉnh.

Điều 23. Đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Cá nhân, tổ chức có nhu cầu tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở.

3. Hồ sơ đăng ký gồm:

- a) Đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động theo Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp bố trí nơi tạm lánh phải đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này;

b) Bản thuyết minh năng lực thực hiện nội dung hoạt động và phạm vi hoạt động đối với cơ sở đăng ký theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định này.

4. Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình chỉ được hoạt động theo nội dung, phạm vi đăng ký theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định này. Trường hợp thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động thì phải thực hiện đăng ký lại. Hồ sơ và thủ tục đăng ký lại thực hiện như đăng ký lần đầu.

Điều 24. Xác nhận đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao khi nhận hồ sơ phải ghi vào sổ công văn:

a) Trường hợp hồ sơ không đúng quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao phải thông báo cho người nộp hồ sơ biết để hoàn thiện;

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy xác nhận cho cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình. Giấy xác nhận đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động theo Mẫu số 09 Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện cho cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình tại cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

Mục 7

CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRỢ GIÚP PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 25. Điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình chứng minh có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi bạo lực gia đình thông qua:

a) Lý lịch tư pháp của người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;

b) Cam kết của người đứng đầu về việc chưa bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi bạo lực gia đình theo Mẫu số 10 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Người đứng đầu cơ sở chứng minh trình độ đại học trở lên và chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung thông qua việc cung cấp bản chứng thực văn bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên có chuyên ngành đào tạo phù hợp, cụ thể là:

a) Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình người đứng đầu cơ sở phải có bằng đại học trở lên về ngành hoặc chuyên ngành tâm lý học hoặc luật học hoặc xã hội học hoặc công tác xã hội;

b) Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình, người đứng đầu cơ sở phải có trình độ đại học trở lên về ngành hoặc chuyên ngành an ninh hoặc phòng cháy, chữa cháy hoặc xây dựng hoặc y tế dự phòng;

c) Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình, người đứng đầu cơ sở phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành sự phạm, tâm lý, y khoa, xã hội học, công tác xã hội;

d) Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bệnh lý về tâm thần cho người bị bạo lực gia đình, người đứng đầu cơ sở phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành về y khoa hoặc tâm lý trị liệu;

đ) Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ khác liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình, người đứng đầu cơ sở phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với dịch vụ khác.

3. Cơ sở đăng ký nhiều nội dung hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này, người đứng đầu cơ sở phải có trình độ đại học trở lên ít nhất một chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung hoạt động. Các nội dung hoạt động còn lại phải có người đảm nhiệm có chuyên ngành đào tạo từ đại học trở lên.

Điều 26. Điều kiện đối với nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình cung cấp hồ sơ chứng minh năng lực của nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình thông qua việc cung cấp bản chứng thực bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên và cung cấp bản chứng thực chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành trực tiếp cung cấp dịch vụ thì không yêu cầu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình khi nộp hồ sơ đề nghị.

3. Cơ sở đăng ký cung cấp nhiều dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, mỗi dịch vụ cung cấp phải có ít nhất một nhân viên đáp ứng yêu cầu khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Điều 27. Thực hiện bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình cho nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao trước 30 tháng 6 hàng năm có trách nhiệm ban hành kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình cho năm sau.

Kế hoạch phải nêu rõ, nội dung kiến thức, kỹ năng bồi dưỡng, thời gian tổ chức và đối tượng bồi dưỡng, tổ chức thực hiện, cơ sở được giao tổ chức và phải công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành kế hoạch.

2. Người có nhu cầu được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện đăng ký với cơ quan ban hành kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng phó với bạo lực gia đình hoặc cơ sở được giao trong kế hoạch quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bồi dưỡng, cơ quan quản lý nhà nước tổ chức bồi dưỡng hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận cho người được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 11 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 28. Yêu cầu về cơ sở vật chất và địa điểm đối với cơ sở cung cấp nơi tạm lánh hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình đăng ký cung cấp nơi tạm lánh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định này;
- b) Nhà tạm lánh và phòng ở cho người bị bạo lực gia đình tạm lánh đáp ứng yêu cầu của pháp luật về xây dựng;
- c) Phòng tạm lánh phải bảo đảm an toàn, thoáng mát, hợp vệ sinh được trang bị giường, chiếu, chăn, màn, điện thắp sáng, quạt làm mát, điện thoại liên lạc, nhà vệ sinh khép kín, cửa có khóa;
- d) Có bảo vệ trực 24/24 giờ trong ngày khi có người tạm lánh tại cơ sở;
- đ) Địa điểm của cơ sở cung cấp nơi tạm lánh phải trùng khớp với địa chỉ đăng ký thành lập, đăng ký hoạt động của cơ sở;
- e) Niêm yết công khai giá phòng, dịch vụ ăn, uống và dịch vụ khác trong trường hợp cơ sở thu phí dịch vụ người tạm lánh tại cơ sở. Việc thu phí phải bảo đảm mục đích không vì lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình đăng ký cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyên đổi hành vi ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 40 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Có trụ sở hoạt động hoặc giao dịch;
- b) Nơi cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyên đổi hành vi phải hợp vệ sinh, bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xây dựng, về phòng cháy, chữa cháy, có trang thiết bị phù hợp với dịch vụ cung cấp;
- c) Niêm yết công khai giá dịch vụ trong trường hợp thu phí dịch vụ. Việc thu phí phải bảo đảm mục đích không vì lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 29. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình nơi đặt trụ sở tại địa phương.

Điều 30. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Hồ sơ đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình gồm:

- a) Đơn đề nghị thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 12a Phụ lục kèm theo Nghị định này;
- b) Dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;
- c) Bảng giá dịch vụ (nếu có);
- d) Lý lịch tư pháp của người đứng đầu; bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người đứng đầu có ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp; văn bằng, chứng chỉ khác của người đứng đầu thể hiện ngành, chuyên ngành liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp;
- đ) Bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trung học trở lên và các văn bằng có liên quan đến nhiệm vụ dự kiến cung cấp dịch vụ; Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

2. Hình thức gửi hồ sơ

- a) Gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;
- b) Trực tuyến.

3. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao khi nhận hồ sơ phải vào sổ công văn. Trường hợp, hồ sơ không đúng quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn thiện;

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao phải cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 13a Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 31. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo Mẫu số 12b Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị rách hoặc hỏng);

c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (nếu có, trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).

2. Hình thức gửi đề nghị cấp lại

Việc gửi đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

3. Tiếp nhận, xử lý đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao khi nhận hồ sơ phải vào sổ công văn. Trường hợp, hồ sơ không đúng quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn thiện;

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao phải cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 13b Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 32. Trình tự, thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;

b) Thay đổi địa chỉ cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Thay đổi dịch vụ, hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận theo Mẫu số 12c Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở;

c) Lý lịch tư pháp của người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp; các văn bằng, chứng chỉ thể hiện ngành, chuyên ngành liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp (trong trường hợp thay đổi người đứng đầu).

3. Tiếp nhận, xử lý đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao khi nhận hồ sơ phải vào sổ công văn. Trường hợp, hồ sơ không đúng quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn thiện;

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao phải cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 13c Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời gian đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, đăng ký nội dung hoạt động, cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình được phép hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp.

Điều 33. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp không đúng quy định của pháp Luật;

b) Sau 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, cơ sở không hoạt động;

c) Cơ sở thay đổi Mục đích hoạt động;

d) Cơ sở bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động;

đ) Cơ sở không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định này.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Chương III **CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** **CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Mục 1 **BỐ TRÍ DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN**

Điều 34. Bố trí dự toán ngân sách nhà nước

1. Ngân sách nhà nước cho phòng, chống bạo lực gia đình được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ để chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình; ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 35. Quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện lập dự toán, chấp hành ngân sách, kế toán và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Việc sử dụng ngân sách nhà nước cho phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trong phạm vi dự toán chi ngân sách được giao.

3. Mức chi quy định tại Nghị định này là mức tối đa để cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội lập dự toán chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội quyết định mức chi cụ thể nhưng không vượt quá mức chi quy định tại Nghị định này để thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước.

4. Đối với các khoản chi có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình không được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Đối với các khoản chi tiền bồi dưỡng cuộc họp, hội nghị, hội thảo đối với công chức, viên chức quy định tại các Điều 36, 37 và 44 Nghị định này chấm dứt khi thực hiện cải cách chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Mục 2

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 36. Chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục

1. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua hình thức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, internet: Nội dung và mức chi nhuận bút xây dựng bản tin, phóng sự, tọa đàm về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

3. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua loa truyền thanh: Biên tập 100.000 đồng/trang 350 từ; bồi dưỡng phát thanh viên 20.000 đồng/lần.

4. Chi sản xuất và phát hành băng rôn, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; thuê trang thiết bị, âm thanh, ánh sáng và thuê khác: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ và quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Chi tổ chức các buổi giao lưu, lễ mít tinh, nói chuyện chuyên đề, hội thảo, hội thi, hội diễn về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Bồi dưỡng người dẫn chương trình, người chủ trì: Tối đa 2.000.000 đồng/buổi;

b) Chi nước uống cho người tham dự: 20.000 đồng/người/buổi; chi thù lao cho người tham dự tối đa 100.000 đồng/người/buổi;

c) Chi báo cáo viên: tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi;

d) Chi thuê hội trường, phòng, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài (nếu có): Mức chi theo thực tế căn cứ vào hợp đồng, giấy biên nhận hoặc hoá đơn, chứng từ;

đ) Chi văn phòng phẩm, in ấn, phô tô tài liệu truyền thông phù hợp với giá thị trường.

6. Chi tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, tiểu phẩm tại cộng đồng:

a) Bồi dưỡng luyện tập chương trình mới: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi; số buổi luyện tập tối đa cho một chương trình là 10 buổi;

- b) Bồi dưỡng trong chương trình biểu diễn: Tối đa 300.000 đồng/người;
- c) Bồi dưỡng người dẫn chương trình: Tối đa 500.000 đồng/buổi;
- d) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác: Mức chi theo thực tế căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật.

7. Chi tổ chức chiến dịch truyền thông tại cộng đồng:

- a) Chi xây dựng kịch bản: Tối đa 1.000.000 đồng/kịch bản;
- b) Bồi dưỡng người dẫn chương trình: tối đa 500.000 đồng/người/buổi;
- c) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia chiến dịch truyền thông tại cộng đồng: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi;
- d) Biểu diễn văn nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều này;
- đ) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác: Mức chi theo thực tế căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật.

8. Chi biên soạn tài liệu mẫu để tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình: Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Điều 37. Chi tổ chức cuộc thi về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Biên soạn đề thi và đáp án (nếu có): Mức tối đa 2.000.000 đồng/đề thi kèm đáp án.

2. Bồi dưỡng chấm thi, Ban giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi: Mức tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

3. Bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, thư ký cuộc thi: Mức tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

4. Chi giải thưởng:

a) Giải nhất đối với giải tập thể cấp trung ương tối đa 30.000.000 đồng/giải thưởng, cấp tỉnh tối đa 20.000.000đ/giải thưởng, cấp huyện tối đa 10.000.000đ/giải thưởng, cấp xã tối đa 5.000.000đ/giải thưởng. Giải nhất đối với cá nhân: cấp trung ương tối đa 20.000.000 đồng/giải thưởng; cấp tỉnh tối đa 10.000.000đ/giải thưởng; cấp huyện tối đa 5.000.000đ/giải thưởng; cấp xã tối đa 2.500.000đ/giải thưởng.

b) Giải nhì đối với giải tập thể cấp trung ương tối đa 20.000.000 đồng/giải thưởng, cấp tỉnh tối đa 10.000.000đ/giải thưởng, cấp huyện tối đa 5.000.000đ/giải thưởng, cấp xã tối đa 2.500.000đ/giải thưởng. Giải nhì đối với cá nhân cấp trung ương tối đa 10.000.000 đồng/giải thưởng; cấp tỉnh tối đa 5.000.000đ/giải thưởng; cấp huyện tối đa 2.500.000đ/giải thưởng; cấp xã tối đa 1.250.000đ/giải thưởng.

c) Giải ba đối với giải tập thể cấp trung ương tối đa 10.000.000 đồng/giải thưởng, cấp tỉnh tối đa 5.000.000đ/giải thưởng, cấp huyện tối đa 2.500.000đ/giải thưởng, cấp xã tối đa 1.250.000đ/giải thưởng. Giải ba đối với cá nhân cấp trung ương tối đa 5.000.000 đồng/giải thưởng; cấp tỉnh tối đa 2.500.000đ/giải thưởng; cấp huyện tối đa 1.250.000đ/giải thưởng; cấp xã tối đa 700.000đ/giải thưởng.

d) Giải khuyến khích đối với giải tập thể cấp trung ương tối đa 5.000.000 đồng/giải thưởng, cấp tỉnh tối đa 3.000.000đ/giải thưởng, cấp huyện tối đa 1.500.000đ/giải thưởng, cấp xã tối đa 750.000đ/giải thưởng. Giải khuyến khích đối với cá nhân cấp trung ương tối đa 2.500.000 đồng/giải thưởng; cấp tỉnh tối đa 1.250.000đ/giải thưởng; cấp huyện tối đa 700.000đ/giải thưởng; cấp xã tối đa 350.000đ/giải thưởng.

Cơ cấu giải thưởng thực hiện theo quy chế tổ chức cuộc thi do Ban tổ chức ban hành.

5. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng thi trong những ngày tổ chức cuộc thi, thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

6. Hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày), áp dụng mức chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ đối với đại biểu không hưởng lương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Những người đã được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan, đơn vị.

7. Thuê dẫn chương trình: Tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi.

8. Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Mức chi theo thực tế căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ.

9. Thuê diễn viên biểu diễn văn nghệ: Cá nhân tối đa 300.000 đồng/người/tiết mục; tập thể tối đa 5.000.000 đồng và không quá 300.000 đồng/người/tiết mục tập thể.

10. Chi tổng hợp báo cáo kết quả cuộc thi:

a) Đối với cuộc thi cấp trung ương: Tối đa 5.000.000 đồng/báo cáo;

b) Đối với cuộc thi cấp tỉnh: Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo;

c) Đối với cuộc thi cấp huyện: Tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo;

d) Đối với cuộc thi cấp cơ sở: Tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo.

11. Chi hợp báo thông cáo báo chí về cuộc thi:

a) Chi xây dựng thông cáo báo chí: Tối đa 1.000.000 đồng/thông báo;

b) Chi thù lao cho phóng viên báo chí được mời tham dự họp báo: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi họp báo;

c) Chi cho người chủ trì họp báo: Tối đa 300.000 đồng/buổi họp báo;

d) Chi cho người tham gia trả lời câu hỏi của phóng viên, báo chí tại buổi họp báo: Tối đa 200.000 đồng/người/buổi họp báo.

Điều 38. Chi xây dựng, triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi nghiên cứu xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện theo quy định của pháp luật về nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá.

2. Chi soạn thảo mô hình: Tối đa 20.000.000 đồng/mô hình.

3. Chi cho cộng tác viên tham gia triển khai thực hiện mô hình: Mức chi theo thực tế số ngày tham gia, tối đa 100.000 đồng/người/ngày hoặc khoán chi tối đa 2.000.000 đồng/người/tháng.

4. Các khoản chi khác thực hiện theo thực tế, căn cứ vào hóa đơn, chứng từ và theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 39. Chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi hỗ trợ thiết lập phòng, bộ phận tư vấn: điện thoại, máy tính, thiết bị, vật tư thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi biên soạn tài liệu mới; chỉnh sửa, bổ sung cập nhật tài liệu phù hợp với nội dung tư vấn: Mức chi 100.000 đồng/trang 350 từ.

3. Chi thù lao cho nhân viên tư vấn theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc: Mức chi theo thỏa thuận dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công.

4. Chi các khoản điện, nước, văn phòng phẩm, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương nhưng tối đa không quá 5.000.000 đồng/tháng/cơ sở.

Điều 40. Chi giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

1. Chi biên soạn tài liệu giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi biên soạn bộ câu hỏi trắc nghiệm để nhận diện hành vi bạo lực gia đình và đánh giá về kiến thức, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình; kỹ năng ứng phó với hành vi bạo lực gia đình (soạn thảo câu hỏi thô; rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa được quản lý trên phần mềm máy tính): Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

3. Chi phổ biến pháp luật trực tiếp cho người có hành vi bạo lực gia đình: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Điều 41. Chi hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình

1. Người bị bạo lực gia đình được hỗ trợ chi phí tư vấn tâm lý, cung cấp kỹ năng ứng phó với bạo lực gia đình.

2. Trường hợp người bị bạo lực gia đình được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí nơi tạm lánh thì được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu như quy định của chính sách xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Trường hợp người bị bạo lực gia đình bị tổn hại sức khỏe được chăm sóc, điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 42. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Trường hợp người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc đối tượng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, tùy theo mức độ tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản thực hiện như sau:

a) Quỹ bảo hiểm y tế chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng và mức hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế;

b) Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả chế độ trợ cấp tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, vệ sinh, an toàn lao động;

c) Đơn vị sử dụng lao động của người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình chi trả các chế độ thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về vệ sinh, an toàn lao động;

2. Trường hợp người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc đối tượng khác, tùy theo mức độ tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản được hỗ trợ theo chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp hoặc được hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội hoặc do Hội đồng xác định mức độ hỗ trợ thiệt hại do tham gia phòng, chống bạo lực gia đình. Thành phần Hội đồng xác định mức độ hỗ trợ thiệt hại do tham gia phòng, chống bạo lực gia đình gồm:

a) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Trưởng ban;

b) Các thành viên thuộc các cơ quan Văn hóa, Thể thao, Du lịch hoặc Văn hóa và Thể thao, tài chính và các thành viên khác có liên quan;

c) Đại diện cơ quan của người bị thiệt hại khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình mà người đó là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động, hội viên, đoàn viên, thành viên của mình;

d) Đại diện Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi xảy ra hành vi bạo gây thiệt hại cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình;

đ) Các thành viên là đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

e) Người bị thiệt hại hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị thiệt hại khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 43. Chi phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện, khuyến khích phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.

2. Cộng tác viên dân số khi tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở thôn, tổ dân phố sau đây được gọi là cộng tác viên dân số và gia đình.

3. Cộng tác viên dân số và gia đình được bố trí phụ trách công việc theo địa bàn thôn, tổ dân phố. Tùy thuộc vào quy mô hộ gia đình tại từng thôn, tổ dân phố, việc bố trí cộng tác viên dân số và gia đình phải bảo đảm mỗi thôn, tổ dân phố có tối thiểu 01 người.

4. Nhiệm vụ của cộng tác viên dân số và gia đình thực hiện theo quy định của Bộ Y tế và các nhiệm vụ về công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình sau đây:

a) Thực hiện tuyên truyền, vận động các gia đình, thành viên gia đình chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình;

b) Tuyên truyền, vận động các gia đình, thành viên thực hiện bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình, xây dựng hệ giá trị trong gia đình, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc;

c) Tuyên truyền, vận động các gia đình, thành viên hộ gia đình thực hiện cam kết “Nói không với bạo lực gia đình”, phê phán hành vi bạo lực gia đình, lên án hành vi dung túng, bao che cho hành vi bạo lực gia đình.

d) Thực hiện thống kê, báo cáo thông tin về hộ gia đình, bạo lực gia đình theo phạm vi được phân công;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác về công tác gia đình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

5. Cộng tác viên dân số và gia đình được hưởng chế độ bồi dưỡng hằng tháng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định và ngân sách địa phương bảo đảm.

6. Mỗi cộng tác viên dân số và gia đình được trang bị các dụng cụ làm việc, bao gồm: Túi truyền thông, loa cầm tay, đèn pin, áo mưa và dụng cụ khác phù hợp với điều kiện và khả năng tài chính của địa phương.

7. Cộng tác viên dân số và gia đình được cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã hằng năm tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân số, công tác gia đình, công tác phòng, chống bạo lực gia đình; lồng ghép việc hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong các cuộc giao ban, các cuộc họp, hội nghị; được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế do Chính phủ quy định.

8. Cộng tác viên dân số và gia đình tiêu biểu, có đóng góp tích cực, nhiệt tình trong công tác dân số, công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình được

động viên, khen thưởng và vinh danh; được tham dự các cuộc thi, hội nghị, hội thảo trong khu vực, liên khu vực để trao đổi kinh nghiệm công tác.

Điều 44. Chi hoạt động phối hợp liên ngành, sơ kết, tổng kết

1. Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, tập huấn nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Chi bồi dưỡng cho đại biểu: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi;

b) Chi xây dựng báo cáo chuyên đề: Tối đa 8.000.000 đồng/báo cáo;

c) Chi xây dựng báo cáo sơ kết: Tối đa 10.000.000 đồng/báo cáo;

d) Chi xây dựng báo cáo tổng kết: Tối đa 12.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Chi bồi dưỡng viết bài tham luận, bài kỷ yếu hội nghị sơ kết, tổng kết: Tối đa 2.000.000 đồng/bài tham luận;

e) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu và các khoản chi khác có liên quan thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ chi hội nghị.

2. Chi công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình trong khu vực, liên khu vực: Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình thành lập theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được phép tiếp tục hoạt động mà không phải thực hiện thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động.

2. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình thành lập theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành khi thay đổi thông tin sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Cơ sở hoạt động về phòng, chống bạo lực gia đình được thành lập theo quy định thực hiện đăng ký theo quy định của Nghị định này trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 47. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

4. Các địa phương không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã, trách nhiệm xử lý hành vi bạo lực gia đình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Công an huyện xử lý./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính